

THỐNG KÊ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2017-2018

Khoa: Công nghệ Động Lực

S TT	LỚP	SỐ SỐ				KẾT QUẢ RÈN LUYỆN														GHI CHÚ (không xếp loại)				
		TỔNG	NỮ	A	B	Xuất sắc		Tốt		Khá		TB.Khá		Trung Bình		Yếu		Kém						
						SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%					
Cao đẳng																								
Ngành: Công nghệ Ô Tô																								
1	15CD-Ô1	49		13	36	0	0.00	3	6.12	24	48.98	19	38.78	2	4.08	0	0.00	0	0.00	1				
2	15CD-Ô2	48		8	40	1	2.08	3	6.25	14	29.17	21	43.75	6	12.50	0	0.00	0	0.00	3				
3	15CD-Ô3	50	1	15	35	0	0.00	1	2.00	16	32.00	30	60.00	1	2.00	0	0.00	0	0.00	2				
4	15CD-Ô4	41		9	32	0	0.00	2	4.88	17	41.46	20	48.78	0	0.00	0	0.00	0	0.00	2				
5	15CD-Ô5	49		10	39	1	2.04	2	4.08	12	24.49	31	63.27	1	2.04	1	2.04	0	0.00	1				
6	15CD-Ô6	50		12	38	1	2.00	2	4.00	13	26.00	27	54.00	1	2.00	0	0.00	0	0.00	6				
7	16CD-Ô1	41		20	21	0	0.00	0	0.00	3	7.32	31	75.61	4	9.76	0	0.00	0	0.00	3				
8	16CD-Ô2	42		11	31	0	0.00	0	0.00	7	16.67	21	50.00	9	21.43	3	7.14	0	0.00	2				
9	16CD-Ô3	40	1	12	28	0	0.00	0	0.00	4	10.00	25	62.50	6	15.00	0	0.00	0	0.00	5				
10	16CD-Ô4	38		11	27	0	0.00	0	0.00	4	10.53	29	76.32	2	5.26	0	0.00	2	5.26	1				
11	16CD-Ô5	51		10	41	0	0.00	0	0.00	4	7.84	32	62.75	8	15.69	3	5.88	0	0.00	4				
12	16CD-Ô6	36	1	11	25	0	0.00	0	0.00	3	8.33	20	55.56	9	25.00	2	5.56	0	0.00	2				
13	16CD-Ô7	40		11	29	0	0.00	1	2.50	8	20.00	20	50.00	6	15.00	1	2.50	0	0.00	4				
14	16CD-Ô8	39		8	31	0	0.00	0	0.00	4	10.26	27	69.23	5	12.82	1	2.56	0	0.00	2				
15	16CD-Ô9	41		12	29	0	0.00	0	0.00	8	19.51	21	51.22	3	7.32	1	2.44	0	0.00	8				
16	16CD-Ô10	47		16	31	0	0.00	0	0.00	5	10.64	28	59.57	12	25.53	0	0.00	0	0.00	2				
17	16CD-Ô11	45		20	25	0	0.00	3	6.67	9	20.00	22	48.89	9	20.00	0	0.00	0	0.00	2				
18	16CD-Ô12	37		9	28	0	0.00	0	0.00	5	13.51	27	72.97	3	8.11	0	0.00	0	0.00	2				

S TT	LỚP	SỐ SỐ				KẾT QUẢ RÈN LUYỆN														GHI CHÚ (không xếp loại)	
		TỔNG	NỮ	A	B	Xuất sắc		Tốt		Khá		TB.Khá		Trung Bình		Yếu		Kém			
						SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
19	17C1-CNÔ1	52		20	32	2	3.85	7	13.46	17	32.69	20	38.46	3	5.77	0	0.00	0	0.00	3	
20	17C1-CNÔ2	49		13	36	1	2.04	4	8.16	8	16.33	21	42.86	8	16.33	5	10.20	0	0.00	2	
21	17C1-CNÔ3	49		18	31	4	8.16	14	28.57	11	22.45	14	28.57	3	6.12	0	0.00	0	0.00	3	
22	17C1-CNÔ4	53	1	16	37	0	0.00	0	0.00	4	7.55	22	41.51	23	43.40	0	0.00	0	0.00	4	
23	17C1-CNÔ5	48		20	28	0	0.00	1	2.08	6	12.50	18	37.50	10	20.83	2	4.17	0	0.00	11	
24	17C1-CNÔ6	46		18	28	0	0.00	0	0.00	7	15.22	32	69.57	1	2.17	0	0.00	0	0.00	6	
25	17C1-CNÔ7	49	4	18	31	0	0.00	3	6.12	7	14.29	22	44.90	14	28.57	0	0.00	0	0.00	3	
26	17C1-CNÔ8	49		27	22	0	0.00	0	0.00	8	16.33	34	69.39	2	4.08	1	2.04	0	0.00	4	
27	17C1-CNÔ9	51		10	41	1	1.96	2	3.92	10	19.61	22	43.14	6	11.76	1	1.96	0	0.00	9	
28	17C1-CNÔ10	51		19	32	0	0.00	0	0.00	6	11.76	19	37.25	18	35.29	0	0.00	0	0.00	8	
29	17C1-CNÔ11	48		12	36	0	0.00	0	0.00	6	12.50	23	47.92	9	18.75	4	8.33	0	0.00	6	
30	17C1-CNÔ12	45		14	31	0	0.00	0	0.00	7	15.56	25	55.56	6	13.33	0	0.00	0	0.00	7	
31	17C1-CNÔ13	52		9	43	0	0.00	2	3.85	5	9.62	21	40.38	16	30.77	0	0.00	0	0.00	8	
32	17C1-CNÔ14	47		13	34	0	0.00	1	2.13	7	14.89	18	38.30	9	19.15	5	10.64	0	0.00	7	
33	17C1-CNÔ15	48		6	42	0	0.00	0	0.00	4	8.33	15	31.25	13	27.08	1	2.08	0	0.00	15	
34	17C1-CNÔ16	44		7	37	0	0.00	0	0.00	2	4.55	15	34.09	12	27.27	2	4.55	0	0.00	13	
35	16CĐ-LTÔTÔ	17		3	14	0	0.00	0	0.00	3	17.65	12	70.59	0	0.00	0	0.00	0	0.00	2	
36	17C2-CNÔ1	21		5	16	0	0.00	1	4.76	9	42.86	6	28.57	2	9.52	0	0.00	3	14.29	0	
37	15CĐN-Ô	24		9	15	1	4.17	1	4.17	10	41.67	11	45.83	0	0.00	0	0.00	0	0.00	1	
38	16CĐN-Ô1	25		9	16	0	0.00	0	0.00	7	28.00	15	60.00	0	0.00	0	0.00	0	0.00	3	
39	16CĐN-Ô2	26		7	19	0	0.00	0	0.00	8	30.77	10	38.46	1	3.85	1	3.85	0	0.00	6	
CỘNG 38 Lớp		1678	8	491	1187	12	0.72	53	3.16	312	18.59	846	50.42	243	14.48	34	2.03	5	0.30	173	
Trung cấp																					
Ngành: Bảo trì và Sửa chữa Ô Tô																					
1	15TC-Ô	14		10	4	0	0.00	1	7.14	10	71.43	2	14.29	0	0.00	0	0.00	0	0.00	1	
2	16TC-Ô1	64		48	16	0	0.00	1	1.56	9	14.06	13	20.31	8	12.50	11	17.19	0	0.00	22	
3	16TCT-Ô1	17		9	8	0	0.00	2	11.76	13	76.47	0	0.00	0	0.00	0	0.00	0	0.00	2	
4	16TN-Ô	8		1	7	0	0.00	3	37.50	4	50.00	0	0.00	0	0.00	0	0.00	0	0.00	1	
	16TCT-Ô2	15		7	8	0	0.00	0	0.00	10	66.67	5	33.33	0	0.00	0	0.00	0	0.00	0	
CỘNG 04 Lớp		118	0	75	43	0	0.00	7	5.93	46	38.98	20	16.95	8	6.78	11	9.32	0	0.00	26	

S TT	LỚP	SĨ SỐ				KẾT QUẢ RÈN LUYỆN														GHI CHÚ (không xếp loại)
		TỔNG	NỮ	A	B	Xuất sắc		Tốt		Khá		TB.Khá		Trung Bình		Yếu		Kém		
						SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Ngành: Công nghệ Ô Tô																				
1	15TCN-Ô1	42		34	8	0	0.00	1	2.38	30	71.43	1	2.38	0	0.00	0	0.00	1	2.38	9
2	16TCN-Ô1	34		21	13	0	0.00	2	5.88	3	8.82	11	32.35	7	20.59	4	11.76	3	8.82	4
3	16TCN-Ô2	46		37	9	0	0.00	0	0.00	6	13.04	22	47.83	12	26.09	0	0.00	6	13.04	0
4	17T4-CNÔ1	52		42	10	0	0.00	0	0.00	3	5.77	5	9.62	28	53.85	11	21.15	0	0.00	5
5	17T4-CNÔ2	55		44	11	0	0.00	2	3.64	7	12.73	11	20.00	16	29.09	7	12.73	0	0.00	12
6	17T4-CNÔ3	58		47	11	0	0.00	1	1.72	4	6.90	19	32.76	16	27.59	2	3.45	0	0.00	16
7	17T4-CNÔ4	53		43	10	0	0.00	0	0.00	5	9.43	17	32.08	10	18.87	0	0.00	0	0.00	21
CỘNG 07 Lớp		340	0	268	72	0	0.00	6	1.76	58	17.06	86	25.29	89	26.18	24	7.06	10	2.94	67
TỔNG CỘNG (49 LỚP)		2136	8	834	1302	12	0.56	66	3.09	416	19.48	952	44.57	340	15.92	69	3.23	15	0.70	266

* Ghi chú: Tổng số HSSV = 2.136 HSSV. Trong đó có 266 HSSV không xếp loại. Lý do: Nghi học không đánh giá rèn luyện cá nhân

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 10 năm 2018

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

P.TRƯỞNG PHÒNG CTCT - HSSV



Hoàng Ngọc Cảnh



Đinh Hồng Minh

Từ TB trở lên	1786	83.61
Yếu Kém	84	3.93
Không xếp loại	266	12.45